

CHLORAMPHENICOL SELECTIVE SUPPLEMENT 50 MG

PHÁT HIỆN VÀ ĐỊNH LƯỢNG NẤM MEN, NẤM MỐC

1 MÔ TẢ

The Chloramphenicol Selective Supplement 50 mg, được cung cấp dưới dạng chế phẩm đông khô, ức chế sự phát triển của hầu hết các vi khuẩn, do đó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phân lập nấm men và nấm mốc.

Chất bổ sung này có thể thay thế cho chất bổ sung Oxytetracycline được khuyến nghị trong Chỉ thị NF V08-059 thông thường, để đếm nấm men và nấm mốc trong vi sinh thực phẩm. Khi nhiệt độ ủ cao hơn 25°C, tốt nhất nên sử dụng chloramphenicol vì trong những điều kiện này ổn định hơn oxytetracycline, chất sẽ mất hoạt tính kháng khuẩn theo thời gian.

Chất bổ sung cũng có thể được thêm vào Sabouraud Agar, (BK025), để thu được Sabouraud Chloramphenicol Agar, cũng tồn tại ở dạng khử nước hoàn toàn (BK007).

2 THÀNH PHẦN

Trong 1 lọ :

- Chloramphenicol..... 50,0 mg

3 PHA CHẾ

- Trong điều kiện vô trùng, đổ vào lọ 3 mL nước cất vô trùng, sau đó thêm 2 mL axeton hoặc 5 mL dung dịch ethanol/nước cất vô trùng 1:1.
- Xoay đều cuối để hòa tan. Tránh làm dung dịch tạo bọt.
- Thêm vô trùng 1 mL chất bổ sung chọn lọc vào 110 mL Oxytetracycline Glucose base (BK053) nóng chảy được giữ ở 44-47°C hoặc vào 100 mL Sabouraud Agar (BK025).
- Trộn đều

Lưu ý

Chất bổ sung này cũng có thể được sử dụng với Brain-Heart Agar để phát hiện các vi sinh vật cụ thể.

4 QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

Ngoại quan: dạng viên màu trắng, tạo thành dung dịch trong suốt không màu đến hơi đục sau khi pha. Hiệu quả vi khuẩn trong môi trường thạch OGA sau 72 giờ ủ ở 25°C (NF EN ISO 11133):

Microorganisms		Tăng trưởng (Productivity Ratio : P_R)
<i>Saccharomyces cerevisiae</i>	WDCM 00058	$P_R \geq 50 \%$
<i>Candida albicans</i>	WDCM 00054	$P_R \geq 50 \%$
<i>Aspergillus brasiliensis</i>	WDCM 00053	$P_R \geq 50 \%$
<i>Escherichia coli</i>	WDCM 00013	Ức chế
<i>Bacillus subtilis</i>	WDCM 00003	Ức chế

5 BẢO QUẢN

Chất bổ sung đông khô: 2-8 °C.

Hạn sử dụng được in trên nhãn dán

Chất bổ sung đã hoàn nguyên (*): 30 ngày 2-8 °C.

(*) Giá trị Benchmark được xác định trong điều kiện chuẩn bị tiêu chuẩn, theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

6 ĐÓNG GÓI

10 lọ BS02108

7 TÀI LIỆU THAM KHẢO

NF V08-059. Novembre 2002. Microbiologie des aliments. Dénombrement des levures et moisissures par comptage des colonies à 25°C. Méthode de routine.

ISO 6611. Octobre 2004. Lait et produits laitiers. Dénombrement des unités formant colonie de levures et/ou moisissures. Comptage des colonies à 25°C.

NF EN 15789. Décembre 2009. Aliments des animaux. Isolation et dénombrement de souches probiotiques de levures (*Saccharomyces cerevisiae*).

8 THÔNG TIN BỔ SUNG

Thông tin được cung cấp trên nhãn được ưu tiên hơn các công thức hoặc hướng dẫn được mô tả trong tài liệu này và có thể sửa đổi bất cứ lúc nào mà không cần cảnh báo.

Mã tài liệu : CHLORAMPHENICOL_ENV7

Ngày tạo : 06-2003

Cập nhật : 04-2016

Nguồn gốc sửa đổi : Cập nhật chung